

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10NS/QNS/2019

**SỮA ĐẬU NÀNH
FAMI NGUYÊN CHẤT**

2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10NS/QNS/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255. 3726110 – 0255. 3726616

Fax: 0255. 3822843

E-mail: info@qns.com.vn; dnv@vinasoy.com.vn.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

2. Thành phần:

- Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).
- Có chứa đậu nành.
- Sử dụng 100% đậu nành hạt chọn lọc, không biến đổi gen (Non-GMO).
- Không sử dụng chất bảo quản.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak, bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

4.2 Quy cách đóng gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp/ bịch ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lóc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực ở 20°C là: 200 ml/ hộp (bịch); 1 lít/ hộp.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

(Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam (Vinasoy) – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi – QNS. Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam – Vinasoy (ký hiệu A) – Số 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh (ký hiệu B) – Đường TS5, KCN Tiên Sơn, P. Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (ký hiệu C) – Số 15 VSIP II – A, đường số 31, KCN Việt Nam Singapore II – A, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo HACCP (TCVN 5603:2008), ISO22000.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định các văn bản kỹ thuật:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 10:2019/NS-QNS.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 05 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Tiến

FAMI NGUYÊN CHẤT

Thành phần dinh dưỡng
vàng bạc trên bề mặt
nhưng chất lượng sản
phẩm không thay đổi.
lúc đều trước khi uống.
Chỉ sử dụng trong vòng
02 giờ sau khi mở hộp.
Bảo quản nơi khô mát.



Cung cấp
dưỡng chất thiết yếu



KHÔNG
chất bảo quản



OSH

XSN

MỚI

SỮA ĐẬU NÀNH
fami
NGUYÊN CHẤT

200 ml
Thể tích thực
ở 20°C



Giá trị dinh dưỡng trung bình
trong 100 ml

Năng lượng	57,6 kcal	Chất xơ	220 mg
Chất đạm	2,2 g	Natri	27 mg
Chất béo	1,2 g	Cholesterol	0,0 mg
Carbohydrate	9,5 g		

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).

Có chứa đậu nành.

Không sử dụng sản phẩm khi: có mùi vị lạ, bao bì bị rách hở, quá hạn sử dụng.

100%
ĐẬU NÀNH
CHỌN LỌC

KHÔNG
biến đổi gen

THÊM NGON SÁNH MỊN
THÊM ĐẬU NÀNH



8 934614 015025

MỚI

SỮA ĐẬU NÀNH
fami
NGUYÊN CHẤT



Fami Nguyên chất công thức cải tiến mới tăng cường thêm đậu nành không chỉ thêm ngon sánh mịn mà còn bổ dưỡng cho cả nhà sức khỏe và niềm vui thường thức mỗi ngày.



KHÔNG cholesterol

Sản phẩm của:
Nhà máy Sữa đậu nành
Việt Nam Vinasoy
CN Công ty CP Đường
Quảng Ngãi.
02 Nguyễn Chí Thanh,
TP Quảng Ngãi, Tỉnh
Quảng Ngãi, Việt Nam
ĐT: (084-255) 3719719
Fax: (084-255) 3810391
CBSP số: 10NS/ONS/2019



Sản xuất tại
Việt Nam
www.vinasoycorp.vn



KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TỔNG GIÁM ĐỐC



Hạng mục: Bao bì Fami nguyên chất brik 200ml
Ngày thực hiện: 11/04/2019
Mã số TK: FAB200B-110419



GIÁM ĐỐC

<p><i>Nguyễn Văn Tự</i></p>	<p>Phòng QA <i>Nguyễn Văn Tự</i></p>	<p>Phòng R&D</p>	<p>Phòng Marketing <i>Nguyễn Văn Tự</i></p>	<p>Người thực hiện <i>Nguyễn Văn Tự</i> Là Bá An</p>
-----------------------------	--------------------------------------	----------------------	---	--

FAMI NGUYÊN CHẤT

Thành phần dinh dưỡng cao thể bị lảng hoặc tạo vang bề trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi. Các chất béo không bão hòa chỉ sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi mở hộp. Bảo quản nơi khô mát.



Cung cấp đường chất thiết yếu



KHÔNG chất bảo quản



DSH

XSN

MỚI

SỮA ĐẬU NÀNH
Fami
NGUYÊN CHẤT

200 ml
Thể tích thực ở 20°C



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng	57,6 kcal	Chất xơ	220 mg
Chất đạm	2,2 g	Natri	27 mg
Chất béo	1,2 g	Cholesterol	0,0 mg
Carbohydrate	9,5 g		

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).

Có chứa đậu nành.

Không sử dụng sản phẩm khi: có mùi vị lạ, bao bì bị rách hở, quá hạn sử dụng.

100%
ĐẬU NÀNH
CHỌN LỌC

KHÔNG
biến đổi gen

THÊM NGON SÁNH MỊN
THÊM ĐẬU NÀNH



MỚI

SỮA ĐẬU NÀNH
Fami
NGUYÊN CHẤT



Fami Nguyên chất công thức cải tiến mới tăng cường thêm đậu nành không chỉ thêm ngon sánh mịn mà còn bổ dưỡng cho cả nhà sức khỏe và niềm vui thường thức mỗi ngày.



KHÔNG cholesterol

Sản phẩm của:
Nhà máy Sữa đậu nành
Việt Nam Vinasoy
CN Công ty CP Đường
Quảng Ngãi.
02 Nguyễn Chí Thanh,
TP Quảng Ngãi, Tỉnh
Quảng Ngãi, Việt Nam
ĐT: (084-255) 3719719
Fax: (084-255) 3810391
CBSP số: 10NS/QNS/2019



Sản xuất tại
Việt Nam
www.vinasoycorp.vn



Hạng mục: Bao bì Fami nguyên chất briki 200ml
Ngày thực hiện: 11/04/2019
Mã số TK: FAB200G-110419

KH. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PH. TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI
M. S. D. N. : 43002059
TP. QUẢNG NGÃI, QUẢNG NGÃI
Nguyễn Hữu Tiến



XXXX XXXXX XXXXX

CHẤM ĐÓC

Phòng QA <i>Nguyen</i> <i>[Signature]</i>	Phòng R&D <i>[Signature]</i>	Phòng Marketing <i>Nguyen</i> <i>[Signature]</i>	Người thực hiện <i>[Signature]</i> Lê Bá An
--	---------------------------------	---	---

Ngô Văn Tú



Cung cấp
dưỡng chất thiết yếu

**Giá trị dinh dưỡng
trung bình trong 100 ml**

Năng lượng	57,6 kcal
Chất đạm	2,2 g
Chất béo	1,2 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ	220 mg
Natri	27 mg
Cholesterol	0,0 mg

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).

Có chứa đậu nành.



NSX:
HSD:

Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc tạo váng béo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi, lắc đều trước khi uống.

Chỉ sử dụng trong vòng 2 giờ sau khi mở bịch.

Bảo quản nơi khô mát.

Không sử dụng sản phẩm khi: có mùi vị lạ, bao bì bị rách hở, quá hạn sử dụng.

SỮA ĐẬU NÀNH
Fami
NGUYÊN CHẤT



SỮA ĐẬU NÀNH
Fami
NGUYÊN CHẤT

Fami Nguyên chất công thức cải tiến mới tăng cường thêm đậu nành không chỉ thêm ngon sánh mịn mà còn bổ dưỡng cho cả nhà sức khỏe và niềm vui thường thức mỗi ngày.



KHÔNG chất bảo quản



KHÔNG cholesterol



Sản xuất tại Việt Nam
www.vinasoycorp.vn

Sản phẩm của:

Nhà máy Sữa đậu nành
Việt Nam Vinasoy

CN Công ty CP Đường Quảng Ngãi,
02 Nguyễn Chí Thanh, TP Quảng Ngãi,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
ĐT: (084-255) 3719719
Fax: (084-255) 3810391
CBSP số: 10NS/QNS/2019



200 ml
Thể tích thực ở 20°C

200 ml
Thể tích thực ở 20°C

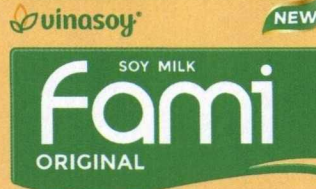
100% ĐẬU NÀNH CHỌN LỌC
KHÔNG BIẾN ĐỔI GEN

Hạng mục: Bao bì Fami nguyên chất fino 200ml
Ngày thực hiện: 11/04/2019
Mã số TK: FAF200-110419

KH. TỔNG GIÁM ĐỐC
PH. TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI
QUẢNG NGÃI
Nguyễn Hữu Tiến



NSX / MFG
HSD / EXP



1 lít
Thể tích thực ở 20°C

1 litre
Net content at 20°C



100%
SELECTED
SOYBEANS

NON - GMO

MORE DELICIOUS
MORE SOYBEANS

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml
Nutritional information per 100 ml

Năng lượng/Energy	57,6 kcal
Chất đạm/Protein	2,2 g
Chất béo/Fat	1,2 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ/Dietary Fiber	220 mg
Natri/Sodium	27 mg
Cholesterol	0,0 mg

THÀNH PHẦN

Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).
Có chứa đậu nành

INGREDIENTS

Water, soybean extract (44%), refined cane sugar, emulsifier (E471), stabilizer (E407), nature identical flavor, salt, acidity regulator (500ii).
Contains soy

- Không sử dụng sản phẩm khi bao bì bị rách, hở, có mùi lạ, quá hạn sử dụng
- Sau khi mở nắp hộp, hãy kín, bảo quản trong tủ lạnh (4 - 10°C)
- Sử dụng trong vòng 3 ngày kể từ khi mở nắp
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lệch hoặc tạo vẩn đục trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi, lắc đều trước khi sử dụng. Bảo quản nơi khô mát.



MIX
Giấy từ nguồn được
quản lý và trách nhiệm
FSC® C014047

NO preservatives

NO cholesterol



100%
ĐẬU NÀNH
CHỌN LỌC
KHÔNG
biến đổi gen

THÊM
NGON
SẠNH MỊN
THÊM
ĐẬU NÀNH

KHÔNG
chất bảo quản

KHÔNG
cholesterol



Fami Nguyên chất công thức cải tiến mới tăng cường thêm đậu nành không chỉ thêm ngon sánh mịn mà còn bổ dưỡng cho cả nhà sức khỏe và niềm vui thường thức mỗi ngày.

Containing more soybeans, the new Fami - Original Soy milk has a full-bodied mouthfeel and a good nutritious pattern for the family's health and enjoyment everyday.



Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam
www.vinasoycorp.vn

SẢN PHẨM CỦA
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
CN Công ty CP Đường Quảng Ngãi
02 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Quảng Ngãi,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
ĐT: (0255) 3719719 * Fax: (0255) 3810391
CBSP số: 10NS/ONS/2019

PRODUCT OF
VIETNAM SOYA PRODUCTS COMPANY
02 Nguyễn Chí Thanh st., Quảng Ngãi City,
Quảng Ngãi province, Vietnam
Tel. (084-255) 3719719 * Fax: (084-255) 3810391
Email: daunhanh@vinasoy.com.vn

100%
SELECTED
SOYBEANS

NON - GMO

MORE DELICIOUS
MORE SOYBEANS

NO preservatives

NO cholesterol

Hạng mục: Bao bì Fami nguyên chất brik 1000ml
Ngày thực hiện: 20/04/2019
Mã số TK: FAB1000F-200419



CHỖ MÃI DƯỚI

GIÁM ĐỐC



Phòng QA

ph
phungdongthi

Phòng R&D

Nguyễn Thiên

Phòng Marketing

mh

Người thực hiện

Am
Lê Phú An



vinasoy **NEW**

SOY MILK
Fami
ORIGINAL

1 lít
Thể tích thực
ở 20°C

1 litre
Net content
at 20°C

100%
SELECTED
SOYBEANS
NON - GMO

MORE DELICIOUS
MORE SOYBEANS



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml
Nutritional information per 100 ml

Năng lượng/Energy	57,6 kcal
Chất đạm/Protein	2,2 g
Chất béo/Fat	1,2 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ/Dietary Fiber	220 mg
Natri/Sodium	27 mg
Cholesterol	0,0 mg

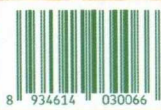
THÀNH PHẦN

Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường kính trắng, chất nhũ hóa (E471), chất ổn định (E407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ pH (500ii).
Có chứa đậu nành

INGREDIENTS

Water, soybean extract (44%), refined cane sugar, emulsifier (E471), stabilizer (E407), nature identical flavor, salt, acidity regulator (500ii).
Contains soy

- Không sử dụng sản phẩm khi bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ, quá hạn sử dụng.
- Sau khi mở nắp hộp, đậy kín, bảo quản trong tủ lạnh (4 - 10°C)
- Sử dụng trong vòng 3 ngày kể từ khi mở nắp.
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc tạo váng béo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi, lắc đều trước khi sử dụng. Bảo quản nơi khô mát.



MIX
Đầy từ nguyên liệu
Quản lý chỉ trích nhận
FSC® C014047

Sử dụng sản phẩm Vinasoy có chứng nhận ISO 9001 (Product Development, Customer) là góp phần quản lý rừng và tách riêng trên toàn cầu.

NO preservatives

NO cholesterol

NSX / MFG
HSD / EXP

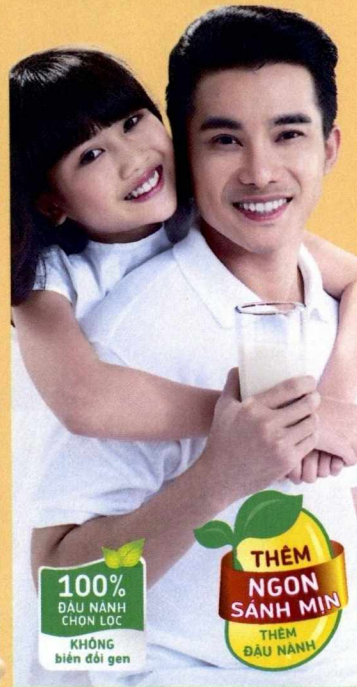


Cung cấp đường chất lượng cao
source of essential nutrients



vinasoy **MỚI**

SỮA ĐẬU NÀNH
Fami
NGUYÊN CHẤT



Fami Nguyên chất công thức cải tiến mới tăng cường thêm đậu nành không chỉ thêm ngon sánh mịn mà còn bổ dưỡng cho cả nhà sức khỏe và niềm vui thường thức mỗi ngày.

Containing more soybeans, the new Fami - Original Soy milk has a full-bodied mouthfeel and a good nutritious pattern for the family's health and enjoyment everyday.



Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam
www.vinasoycorp.vn

SẢN PHẨM CỦA
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
CN Công ty CP Đông Quảng Ngãi,
02 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Quảng Ngãi,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
ĐT: (0255) 3719719 * Fax: (0255) 3810391
CBSP số: 10NS/QNS/2019

PRODUCT OF
VIETNAM SOYA PRODUCTS COMPANY
02 Nguyễn Chí Thanh st., Quảng Ngãi City
Quảng Ngãi province, Vietnam
Tel: (084-255) 3719719 * Fax: (084-255) 3810391
Email: daunanhvnm@vinasoy.com.vn

100%
ĐẬU NÀNH
CHỌN LỌC
KHÔNG
biến đổi gen

THÊM
NGON
SẢNH MỊN
THÊM
ĐẬU NÀNH

KHÔNG
chất bảo quản

KHÔNG
cholesterol

Chỉ xoay nắp
90 độ mở
1 nước
LƯU Ý

vinasoy **NEW**

SOY MILK
Fami
ORIGINAL

100%
SELECTED
SOYBEANS
NON - GMO

MORE DELICIOUS
MORE SOYBEANS

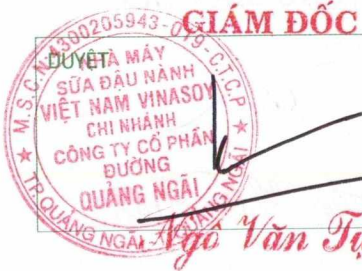


NO preservatives

NO cholesterol

Hạng mục: Bao bì Fami nguyên chất brik 1000ml
Ngày thực hiện: 20/04/2019
Mã số TK: FAB1000F-200419

QUYẾT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI
TR. QUẢNG NGÃI, T. QUẢNG NGÃI, Đ. QUẢNG NGÃI
M. QUẢNG NGÃI
TR. QUẢNG NGÃI, T. QUẢNG NGÃI, Đ. QUẢNG NGÃI
Nguyễn Hữu Tiến



GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tu

Phòng QA

Ulen
pdh
Phùng Đình Thi

Phòng R&D

W
Nguyễn Nisun

Phòng Marketing

mh

Người thực hiện

Am
Lê Bá An



Vietnam

Add value.
Inspire trust.

Test Report No.VNT/F19/042536

Dated 23/04/2019

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F19/042536

Ngày 23/04/2019

Applicant

Tên khách hàng

: **VINASOY CORP.**

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY

No. 02, Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu Ward,
Quang Ngai Province, Vietnam.

Số 02, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Date of receiving

Ngày nhận mẫu

: 16/04/2019 (09:00)

Temperature of sample as received

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận

: Room temperature

Nhiệt độ phòng

State of sample as received

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận

: Liquid sample intact in paper box

Mẫu dạng lỏng chứa trong hộp giấy kín nguyên vẹn

Test Period

Thời gian thử nghiệm

: 16/04/2019 – 23/04/2019

Name of Sample

Tên mẫu

: Sữa đậu nành Fami Nguyên chất
NSX: 18.03.2019

Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm
The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng.

Checked By

Hoang Thi Hai Yen
Lab Assistant Manager

Authorized By

Nguyen Thi Chan
Lab Manager

Note: The test report is electronically generated. Hence original signature is not required. For any technical query, please contact Ms. Chan at chan.nguyen@tuv-sud.vn and for any complaint please contact Ms. Dung at mydung.chau@tuv-sud.vn.

Note: (1) General Terms & Conditions as mentioned overleaf, (2) The results relate only to the items tested, (3) the test report shall not be reproduced except in full without the written approval of the laboratory.

Laboratory:

TUV SUD Vietnam Co., Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III,
Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Phone: 084-8-6267 8506
Fax: 084-8-6267 8511
E-Mail: chan.nguyen@tuv-sud.vn
Url: www.tuv-sud.vn

Read Office:

TUV SUD Vietnam Co., Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III,
Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.



Vietnam

Test Report No.VNT/F19/042536**Dated 23/04/2019****Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F19/042536****Ngày 23/04/2019****TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:**

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	2,4 - D	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
2.	Acephate	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
3.	Aldicarb	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
4.	Azinphos	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
5.	Azoxystrobin	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
6.	Bentazone	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
7.	Benzovindiflupyr	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
8.	Carbaryl	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
9.	Carbendazim	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
10.	Chlorantraniliprole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
11.	Chlordane	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
12.	Chlorpyrifos	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
13.	Clethodim	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
14.	Cycloxydim	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
15.	Cyfluthrin/ beta-cyfluthrin	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
16.	Cyproconazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
17.	Diazinon	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
18.	Dicamba	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
19.	Difenoconazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
20.	Dimethenamid- P	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
21.	Diquat	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.1
22.	Endosulfan	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
23.	Fenitrothion	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
24.	Fenpropathrin	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
25.	Flusilazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
26.	Flutriafol	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
27.	Fluxapyroxad	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
28.	Glufosinate- Ammonium	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.1
29.	Glyphosate	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.1
30.	Haloxypop	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
31.	Heptachor	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
32.	Imazamox	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
33.	Indoxacarb	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01

539
CỘNG
HÒA
TUV
VIỆT
PHỐ



Vietnam

Test Report No.VNT/F19/042536**Dated 23/04/2019****Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F19/042536****Ngày 23/04/2019****TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Cont'd**

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
34.	Mesotrione	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
35.	Metalaxyl	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
36.	Methamidophos	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
37.	Methomyl	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
38.	Penthiopyrad	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
39.	Permethrin	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
40.	Phorate	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
41.	Propiconazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
42.	Prothioconazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
43.	Pyraclostrobin	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
44.	Quintozene	mg/Kg	GC/MS	Not detected	0.01
45.	Spinozad	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
46.	Spirotetramate	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
47.	Sulfoxaflor	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01
48.	Tebuconazole	mg/Kg	LC/MS/MS	Not detected	0.01

- END OF TEST REPORT -
- Kết thúc phiếu kết quả thí nghiệm -

886-C
TY
H
SUD
NAM
CƠ CHỨ



Vietnam

Test Report No.VNT/F19/042536
Dated 23/04/2019
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F19/042536
Ngày 23/04/2019

General Terms and Conditions of Business

of TÜV SÜD Vietnam Co., Ltd (hereinafter referred to as "TUV SUD")

1. General

1.1 These General Terms and Conditions of Business are applicable to all Product Testing / Inspection / Certification Services and other services provided by TÜV SÜD ("the Services").

1.2 The client shall accept TÜV SÜD's General Terms and Conditions of Business and the prices valid at the time of order placement. Deviating terms and conditions of business of individual clients cannot be recognized as a matter of principle.

1.3 Ancillary agreements, promises and other statements by TÜV SÜD employees or officially authorized experts called in by TÜV SÜD shall only be considered binding if expressly confirmed by TÜV SÜD and in writing. This shall also apply to any amendments to these terms and conditions.

2. Contractual Performance and Clients' Responsibilities

2.1 TÜV SÜD shall perform the Services in accordance to TÜV SÜD customary manner unless otherwise agreed in writing. Unless otherwise explicitly agreed in writing or regulated by the law and regulations, no responsibility shall be assumed for the correctness of the safety programs and safety regulation on which the tests and inspections have been based.

2.2 TÜV SÜD shall be entitled to make use of sub-contractors in the implementation of the order only if this has been explicitly agreed upon in writing.

2.3 The scope of the Services to be performed by TÜV SÜD shall be defined in writing on placement of order. If any modification or extension of the scope prove necessary within the context of due performance of the contract, they shall be additionally agreed upon in advance and in writing.

2.4 The client shall supply the necessary accessories, information and / or documents, for the Services including any foreign test reports, company test reports, product specifications, catalogues and instruction manuals. Until all necessary accessories, information or documents are supplied, TÜV SÜD will not commence the Services.

2.5 TÜV SÜD, at its sole discretion, reserves the right not to undertake the Services and terminate the agreement for the same in the event the client fails to comply with the terms and conditions set out herein.

3. Delay or Failure of Performance

3.1 The deadlines for contractual performance quoted by TÜV SÜD shall be binding only if this has been explicitly agreed upon in writing or regulated by the law and regulations.

3.2 TÜV SÜD shall not be liable for any delay or failure in respect of its contractual performance arising from any cause outside its control unless regulated by the law and regulations.

3.3 In the event that TÜV SÜD's contractual performance is delayed due to any cause outside its control, TÜV SÜD shall have the option at its sole discretion to either (i) extend the period for performance in accordance to the period of delay or (ii) terminate the agreement for the Services.

4. Warranty

4.1 Warranty by TÜV SÜD only covers contractual services with which it has been explicitly commissioned as per Section 38.37. Warranty regarding the proper condition and overall functioning of the plants to which the inspected or tested parts belong shall therefore be excluded. In particular, TÜV SÜD shall not assume any responsibility for the design, materials and construction of the examined plants unless these issues have been explicitly included in the contract. Even if the latter is the case, the warranty and the legal responsibility of the manufacturer shall be neither restricted nor assumed or regulated by the law and regulations.

4.2 Any warranty given by TÜV SÜD shall initially be restricted to supplementary performance to be completed within a reasonable time limit informed in writing and agreed by the customer or regulated by the law and regulations. Should such supplementary performance fail, i.e. be impossible or unacceptable for the customer or be unjustifiably refused or delayed by TÜV SÜD, the customer shall be entitled, at its discretion, either to a reduction of the price or rescission of the contract.

4.3 TÜV SÜD warrants that it will exercise reasonable care and diligence in performing the service herein. Save as provided herein, all other warranties by TÜV SÜD, whether expressed or implied, are hereby expressly excluded.

4.4 The client warrants that all information and/or documents supplied to TÜV SÜD are accurate and correct in all aspects and shall indemnify TÜV SÜD as the recent law and regulations for all loss and damages arising from the Services herein caused by incorrect information and/or documents supplied by the client.

5. Liability

5.1 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall only be liable for damages – regardless of their legal basis – if TÜV SÜD has caused any damage as a result of an intentional or grossly negligent act or if TÜV SÜD has negligently breached a substantial contractual obligation ("material obligation"). In the event that TÜV SÜD is in breach of any substantial contractual obligations, TÜV SÜD shall only be liable for the damage related to and typically foreseeable under the particular contract at the time of entering into the contract.

5.2 Whilst all reasonable care will be taken where the product / equipment is in TÜV SÜD's custody, unless otherwise stipulated in the contract / agreement or regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not under any circumstances be responsible for any loss or damage to the product / equipment during transit or while in the custody of TÜV SÜD, unless by fraud or negligence of TÜV SÜD. The client shall arrange for all necessary insurance against accidental loss or damage to the product / equipment, either in transit or at TÜV SÜD premises.

5.3 Unless there is a written request made for the return of the product / equipment at the time when they are delivered to TÜV SÜD for testing or the agreement for testing expressly provides for the return of the product / equipment, all product / equipment provided to TÜV SÜD for testing will be disposed after 1 month from the date of testing and the client agrees this principle.

5.4 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not be liable for any damages caused as a result of a negligent breach of a non-substantial contractual obligation.

5.5 Unless regulated by the law and regulations, "Substantial contractual obligations" are those obligations that protect the customer's legal interests deemed to be substantial to the contract, which the contract, based on its content and purpose, must specifically grant to the customer; further, such contractual obligations are substantial which are deemed to be prerequisites for proper performance of a contract and upon the observance of which the customer has generally relied and may rely.

5.6 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not be liable for any incidental, indirect, special or consequential loss or damage whatsoever, including, but not limited to, loss of revenue, profits, contracts, business or anticipated savings, or loss of goodwill or reputation, whether foreseeable or not and whether arising from any act or omission on the part of TÜV SÜD in the provision of the Services.

5.7 Any person making claims under this contract may inform TÜV SÜD about any potential damage for which TÜV SÜD could be liable.

5.8 If claims for damages against TÜV SÜD are excluded or limited, this shall extend to any personal liability of any statutory organs, experts, miscellaneous employees, vicarious agents or any other auxiliary personnel of TÜV SÜD for the said / same claims on the same legal relation.

5.9 TÜV SÜD total liability to the client under or in connection with the agreement for Services and/or in tort (including negligence) in any event (other than death or personal injury resulting from TÜV SÜD 's negligence) shall not exceed the amount of fees paid by the client to TÜV SÜD in respect of the Services.

6. Terms of Payment, Prices

6.1 Unless a fixed price or other calculation basis has been explicitly agreed upon, services shall be billed in accordance with the prices of TÜV SÜD valid at the time of contract conclusion. In the absence of a valid schedule of prices, contractual provisions must be agreed on a case-by-case basis.

If there is a period of more than 4 months between placement of the order and completion of the order by TÜV SÜD and there has been a price increase in the meantime, then the modified price shall be used as the basis of calculation as of the 5th month.

6.2 Reasonable advance payments may be requested and/or partial invoices covering services already rendered may be made out. Partial invoices need not be designated as such. The receipt of an invoice does not mean that the order has been billed completely by TÜV SÜD.

6.3 Companies who are not given any credit terms by TÜV SÜD have to pay in advance. For companies who are given credit terms by TÜV SÜD, an invoice will be issued when a job is completed and the fees shall be remitted to TÜV SÜD within thirty days of presentation of the invoice.

6.4 The client agrees to indemnify and pay TÜV SÜD for all taxes (Value Added Tax - VAT), levies and duties including, but not limited to, goods and services tax or withholding tax which TÜV SÜD may be liable to pay as a result of providing the Services to the client herein.

6.5 Any objections to invoices must be made in writing to TÜV SÜD within a 14-day preclusion period after receipt of invoice, with reasons stated.

6.6 When a client decides to cancel the order for the Services (other than audits), he may do so by giving a notice in writing to TÜV SÜD. In case TÜV SÜD receives the cancellation request within three working days after confirmation of the order, the client will be charged for all Services performed prior to such cancellation and, in vice versa, the client agrees to pay the full fee for the Services as the contract.

6.7 For audits, any request for cancellation or postponement of the audit must be given within six weeks in advance of the scheduled audit date, the client will be charged for all Services performed prior to such cancellation or postponement and in vice versa, the client agrees to pay the full fee for the audit as the contract.

7. Secrecy, Copyright, Data Protection

7.1 TÜV SÜD shall have the right to copy and file any written documents submitted for perusal which are important for performance of the order.

7.2 In as far as expert opinions, audit reports and the like that are protected by copyright are prepared within the scope of contractual performance, TÜV SÜD shall grant the customer a simple, non-transferable right of use, if this is required by the underlying purpose of the contract. This grant of copyright explicitly shall not include the transfer of any other rights; the customer shall, in particular, not be entitled to change (process) or use expert opinions, audit reports, test results, calculations and the like outside its business.

7.3 TÜV SÜD, its employees, and the expert engineers called in by TÜV SÜD shall not, without authorization, disclose or use any confidential information belonging to the client which they become cognizant during their activities provided that this clause shall not apply to information that is already known to TÜV SÜD prior to such disclosure, or passes into the public domain otherwise than as a result of a breach of this confidentiality obligation on the part of TÜV SÜD, or was received from a third party who is not under any confidentiality obligations or who did not acquire the information in confidence; or was independently conceived or developed by TÜV SÜD without reference to the disclosed confidential information.

8. Lien

In addition to any right of lien to which TÜV SÜD may be entitled by law, TÜV SÜD shall be entitled to a general lien on all product / equipment submitted for the Services as the agreement, contract with the client.

9. Indemnity

The client shall indemnify TÜV SÜD fully in accordance with the law and regulations against all loss or damages suffered and cost and expenses incurred by TÜV SÜD and all claims by any third parties as a result of provision of the Services (including but not limited to the improper use of the test reports, supply of inaccurate information and/or documents to TÜV SÜD or any claim by third party for infringement or intellectual property rights and/or for discovery of information and/or for delivery of documents or products / equipment) unless the same is caused by the act or neglect of TÜV SÜD.

10. Court Appearance

In the event any of the employees of TÜV SÜD is requested by the client or summoned by the court upon application by the client or any other parties for his attendance in court as an expert witness on the subject of the Services provided, the Client agrees and shall pay TÜV SÜD for such attendance in court based on TÜV SÜD's prevailing rates, agreed by the written confirmation of the client, for court attendance. TÜV SÜD may at its sole discretion revise its rates for court attendance from time to time.

11. Governing Law

137.1 The agreement for the Services shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam.

137.2 TÜV SÜD and the client agree to submit to the jurisdiction of the Vietnam Courts.

12. Validity of Agreement

138. If any terms and conditions of this document are invalid or unenforceable for any reason, such invalidity or unenforceability shall not affect the validity or enforceability of the remainder of the terms and conditions.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2019-00028567
 Mã số kết quả: AR-19-VD-031247-01 / EUVNHC-00066492



Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy – CN Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
 Số 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú

Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 Việt Nam

Tên mẫu: Sữa đậu nành Fami Nguyên chất
 Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu: 18/04/2019
 Thời gian thử nghiệm: 18/04/2019 - 23/04/2019
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 23/04/2019
 Mã số PO của khách hàng: SWL2190418168

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
3	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
 Giám Đốc Sản Xuất

Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 25/04/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2019-00028568
Mã số kết quả: AR-19-VD-030096-01 / EUVNHC-00066492



Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy – CN Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
Số 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú

Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Việt Nam

Tên mẫu: Sữa đậu nành Fami Nguyên chất
Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu: 18/04/2019
Thời gian thử nghiệm: 18/04/2019 - 20/04/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 23/04/2019
Mã số PO của khách hàng: SWL2190418168

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 25/04/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2019-00028569
 Mã số kết quả: AR-19-VD-030097-01 / EUVNHC-00066492



Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy – CN Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
 Số 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú

Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 Việt Nam

Tên mẫu: Sữa đậu nành Fami Nguyên chất
 Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu: 18/04/2019
 Thời gian thử nghiệm: 18/04/2019 - 20/04/2019
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 23/04/2019
 Mã số PO của khách hàng: SWL2190418168

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
 Giám Đốc Sản Xuất

Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

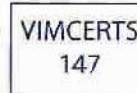
Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 25/04/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN19040999 MM19042930	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 -LBH 00 Ngày/Date : 26/04/2019
--	---	---

Tên khách hàng/ Customer : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY**
 Địa chỉ/ Address : **2 NGUYỄN CHÍ THANH - PHƯỜNG QUẢNG PHÚ - THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI - TỈNH QUẢNG NGÃI**
 Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **17/04/2019**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **24/04/2019**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	GMO		Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S: Không phát hiện Terminator NOS: Không phát hiện (LOD= 0,1%)	ISO 21569:2005/Amd 1:2013 (Phụ lục/Annex B1, B3) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Lsmnt

ThS. Lương Sơn Tùng

**KT. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



Lê Thành Thọ

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

191 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7215

✉ casehcm@case.vn

CN. CẦN THƠ

☎ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 386, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

☎ 5TH2718 Đường BÈ, KĐT Lê Hồng Phong 1, P. Phước Hải, Nhà Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5235

☎ (84.258) 246 5335

✉ van.phongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN19040999 MM19042930	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 – LBH 00 Ngày/Date : 26/04/2019
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY**
 Địa chỉ/ Address : **2 NGUYỄN CHÍ THANH - PHƯỜNG QUẢNG PHÚ - THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI - TỈNH QUẢNG NGÃI**
 Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT**
 Số lượng/ Quantity : 1
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/04/2019
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 24/04/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 01	ISO 7937:2004 (*)
2	Coliforms	CFU/ml	< 01	ISO 4832:2006 (*)
3	Escherichia coli	CFU/ml	< 01	ISO 16649-2:2001 (*)
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	< 01	ISO 16266:2006
5	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 (*)
6	Streptococci faecal	CFU/ml	< 01	ISO 7899-2:2000
7	Tổng số nấm men, mốc	CFU/ml	< 01	ISO 21527-1:2008 (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
 This also result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1 TP.HCM
 ☎ 18001105
 ☎ (84.28) 391.7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN. CẦN THƠ

F267 - F268, Đường số 6, NDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3912216 - 217 - 218
 ☎ (84.292) 3912219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

5TH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 246.5255
 ☎ (84.258) 246.5355
 ✉ vietnamhongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/ml	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S. Huỳnh Yên Hà

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH

(*) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(*) F2167 + F2168, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 219

(☎) (84.292) 3918219

(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(*) ST-H278, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 246 5255

(☎) (84.258) 246 5355

(✉) vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN19040999 MM19042930	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 00 Ngày/Date : 25/04/2019
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY**
 Địa chỉ/ *Address* : **2 NGUYỄN CHÍ THANH - PHƯỜNG QUẢNG PHÚ - THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI - TỈNH QUẢNG NGÃI**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT**
 Số lượng/ *Quantity* : **1**
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.**
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **17/04/2019**
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **24/04/2019**

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Benzoat Na	mg/kg	Không phát hiện MDL=2	CASE.SK.0019 (HPLC)(*)
2	Saccharin	mg/kg	Không phát hiện MDL=2	CASE.SK.0019 (HPLC)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
*Officer in charge of laboratory***

Th.S. Nguyễn Thành Duy

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
 TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (84.292) 3918219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH271B, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hội, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 246 5255
 (84.258) 246 5355
 vanhongmien trung@case.vn